

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Q. BÌNH THỦY

ĐẾN Số:.....
Ngày: 14/01/2025
Chuyên:.....
Lưu hồ sơ số:.....

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 122.....
Ngày 14 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2024

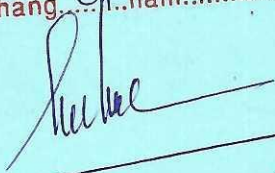
NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

(KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ)

CÔNG TY CP XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

XÁC NHẬN

Ngày 14 tháng 01 năm 2025


Trần Thị Diễm Phúc

CẦN THƠ, THÁNG 01 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2024

NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

(KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Dương

CẦN THƠ, THÁNG 01 NĂM 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC BẢNG.....	ii
Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	2
1. Công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải.....	2
1.1. Xử lý nước thải	2
1.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải	3
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải	3
2.1. Xử lý khí thải	3
2.2. Kết quả quan trắc khí thải	4
3. Về quản lý chất thải rắn thông thường	4
4. Về quản lý chất thải nguy hại	7
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	8
5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường	8
5.2. Báo cáo thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường..	9
6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:	9
PHỤ LỤC.....	10

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt năm 2024.....	4
Bảng 2. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2024.....	5
Bảng 3. Thống kê chất thải nguy hại năm 2024	7

Số: 01/BC-NMST/25

Cần Thơ, ngày 09 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2024

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: **Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Cần Thơ**
- Địa chỉ: KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Điện thoại: 02926 258555
- Người đại diện: Ông Phạm Minh Dương Chức vụ: Giám Đốc
- Loại hình sản xuất: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
- Quy mô, công suất: 300.000 tấn/năm
- Tần suất hoạt động: thường xuyên
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 0300588569-016;
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1745/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 05 năm 2018 của dự án “Nhà máy Sữa Cần Thơ, nâng công suất từ 183.200 tấn sản phẩm/năm lên 300.000 tấn sản phẩm/năm”
- Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 17/GXN-BTNMT cấp ngày 10/02/2020 của dự án “Nhà máy Sữa Cần Thơ, nâng công suất từ 183.200 tấn sản phẩm/năm lên 300.000 tấn sản phẩm/năm”.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH số 92.000012.T do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 11/09/2014.
- Mã số thuế: 0300588569-016
- Giấy chứng nhận ISO 14001: 2015 số EMS 65230 do tổ chức BSI chứng nhận.
- Khối lượng sản phẩm năm 2023 và năm 2024:

Sản phẩm	Năm 2023 (tấn/năm)	Năm 2024 (tấn/năm)
Sữa và các sản phẩm từ sữa	125.247	106.251

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ năm 2023 và 2024:

Lượng nhiên liệu/điện/nước tiêu thụ	Năm 2023	Năm 2024
Nhiên liệu		
- Dầu DO (lít)	124.099	102.068
- Dầu FO (lít)	16.420	17.092
- LPG (kg)	29.067	11.626
- Hơi mua ngoài (tấn)	18.513	15.889
Điện (kwh/năm)		
- Điện mua của điện lực	10.521.325	9.732.297
- Điện NLMT	954.474	970.606
Nước thủy cục (m³/năm)	344.205	342.714

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Các công trình xử lý nước thải bao gồm hệ thống xử lý nước thải tập trung 1.000 m³/ngày đêm và bể tự hoại.

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp và sinh hoạt phát sinh trung bình năm 2023: 723 m³/ngày đêm

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp và sinh hoạt phát sinh trung bình năm 2024: 701 m³/ngày đêm

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được phê duyệt trong báo cáo ĐTM: 41,49 m³/h

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh được phê duyệt trong báo cáo ĐTM: 920 m³/h

- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử khi xử lý bằng bể tự hoại và nước thải sản xuất được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải của nhà máy hoạt động hiệu quả, kết quả quan trắc

chất lượng nước thải đầu ra hằng quý có giá trị các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT cột A. Nguồn tiếp nhận nước thải tại vị trí thu gom nước thải KCN Trà Nóc.

Công ty đã thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trà Nóc theo hợp đồng số 02/HĐ/XLNT.KCN ký ngày 25/07/2019; Bản bổ sung, điều chỉnh số 01/PLHĐ/XLNT.KCN/2022 ký ngày 28/06/2022. Bản bổ sung, điều chỉnh số 01/PLHĐ/XLNT.KCN/2023 ký ngày 28/06/2023;

1.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc:
 - + Quý I: 27/3/2024
 - + Quý II: 21/6/2024
 - + Quý III: 05/9/2024
 - + Quý IV: 06/12/2024
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần
- Vị trí quan trắc và số lượng mẫu: Nước thải tại hố ga thoát nước sau xử lý (Kinh độ: 1117296; Vĩ độ: 577168)
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam (Vimcerts 039)
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có): Không có thông số vượt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Lò hơi của nhà máy chỉ chạy trong chế độ dự phòng và cấp hơi cho nhà máy trong trường hợp bên đơn vị cấp hơi có sự cố. Toàn bộ lượng hơi cung cấp cho quá trình sản xuất của nhà máy hiện nay do Công ty cổ phần năng lượng điện hơi công nghiệp Việt Nam – Vineiges cung cấp theo hợp đồng mua bán hơi số 01-2023/VINAIGES-VINAMILK. Toàn bộ khí thải phát sinh từ lò hơi được nhà máy thu gom và dẫn qua hệ thống xử lý khí thải lò hơi, chất lượng khí thải đầu ra đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – QCVN 19:2009/BTNMT cột B

- Các công trình xử lý khí thải tại nhà máy: 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ, và 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi 2 tấn/giờ.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

- Thời gian quan trắc:
 - + Quý I: 27/3/2024
 - + Quý II: 21/6/2024
 - + Quý III: 05/9/2024
 - + Quý IV: 06/12/2024
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần
- Vị trí quan trắc và số lượng mẫu:
 - + Bên trong ống khói lò hơi, công suất 4 tấn/h, nhiên liệu dầu FO (Kinh độ: 1117172; Vĩ độ: 577129)
 - + Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h, nhiên liệu dầu FO (Kinh độ: 1117171; Vĩ độ: 577139)
 - + Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h, nhiên liệu dầu FO (Kinh độ: 1117171; Vĩ độ: 577140)
 - + Bên trong ống khói máy phát Virtus (Kinh độ: 1117172; Vĩ độ: 577150)
 - + Bên trong ống khói máy phát FG Wilson (Kinh độ: 1117174; Vĩ độ: 577153)
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 05 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam (Vimcerts 039)
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có): Không có thông số vượt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Bảng 1. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt năm 2024

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng năm 2024 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)
1	Tổng khối lượng CTRSH	52.700	Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ	55.080

Lượng rác sinh hoạt phát sinh khoảng 52.700 kg/năm. Trữ tại kho rác thải không nguy hại của Nhà máy và báo cho nhà cung cấp đến lấy hàng ngày. Nhà máy hợp đồng

với Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ để vận chuyển và xử lý theo Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt số 03/HĐDV.BT ngày 13/12/2024.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bảng 2. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2024

TT	Nhóm CTR công nghiệp thông thường	Số lượng năm 2024 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTR công nghiệp thông thường	Số lượng năm 2023 (kg/năm)
1	Bao PP đường 50 kg nội địa các loại (nguyên)	35.089	- Cơ sở thu mua phế liệu Trần Bích Thủy Địa chỉ: Khu vực Thới Đông, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ - Công ty TNHH TM và SX Ngọc Tân Kiên Địa chỉ: 481 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. HCM.	40.674
2	Bao PP đường 50 kg nội địa các loại (rách)	1.239		1.363
3	Bao PP bọc ngoài túi dầu cọ	1.305		1.080
4	Bao giấy bột sữa 2, 3 lớp (rách)	107.961		126.436
5	Thùng carton, bìa carton các loại	53.606		59.697
6	Lõi giấy	2.177		2.377
7	Bao nylon đường, bột sữa màu trắng	12.507		12.259
8	Bao nylon đường, bột sữa màu xanh	4.907		7.570
9	Phuy đựng bơ 210 lít (nguyên)	1.287		2.782
10	Phuy đựng bơ 210 lít (móp, méo, thùng, đã khai nắp)	845		1.872
11	Phuy đựng bơ 190 lít (nguyên)	0		34
12	Phuy 200 lít đựng mứt, Lecithin, dầu dừa (nguyên)	3.068		3.848
13	Phuy 190 kg đựng dầu cọ (nguyên)	0		640
14	Phuy 190 kg đựng dầu cọ (móp, méo, thùng, đã khai nắp)	0		390
15	Can nhựa xanh 20 kg	126		156
16	Can nhựa xanh 5 kg	40		49
17	Thiếc lót kiện thiếc (trên)	820		357
18	Thiếc lót kiện thiếc (dưới)	1.300		580
19	Ba vớ thiếc, thiếc thân nắp bị hư	4.740		2.325
20	Thiếc rêu 3x4	16.135		8.085
21	Thiếc cuộn thân lon (cắt xéo, hư)	645		300
22	Lon thiếc hư	4.744		2.777
23	Nắp thiếc hư	1.340		640
24	Thiếc phế liệu tấm đã dập lấy nắp	41.890		20.815
25	Bao bì vỏ kiện thiếc	320		0
26	Sắt góc nẹp kiện thiếc	1.545		465
27	Màng nhựa thân hũ sữa chua, sữa vi, ly phế liệu (trắng)	5.251		5.566
28	Màng nhựa thân hũ sữa chua, sữa vi, ly phế liệu (màu)	409		550

TT	Nhóm CTR công nghiệp thông thường	Số lượng năm 2024 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTR công nghiệp thông thường	Số lượng năm 2023 (kg/năm)
29	Ba via nhựa sữa chua, sữa vi, ly (trắng)	29.900		32.462
30	Ba via nhựa sữa chua, sữa vi, ly (màu)	2.378		2.739
31	Vỏ hũ sữa chua phế liệu (trắng)	5.655		5.783
32	Vỏ hũ sữa chua phế liệu (màu)	339		383
33	Lõi cuộn Strip	2.625		2.980
34	Pallet nhựa loại nhỏ, màu xanh (chứa màng nhựa sữa chua)	0		1.265
35	Pallet đựng bao bì Tetrapak (gỗ thông)	10.920		7.420
36	Pallet đựng bao bì Combiloc (gỗ thông)	442		2.061
37	Pallet đựng các loại bao bì khác (gỗ tạp, ván ép)	23.375		34.476
38	Pallet kiện thiếc	6.188		2.353
39	Pallet loại nhỏ (nhựa sữa chua, sữa vi)	3.138		3.288
40	Pallet bột sữa	450		1.575
41	Dây đồng vụn	90		90
42	Sắt vụn phế liệu	7.888		6.762
43	Inox vụn phế liệu	455		804
44	Nhôm vụn phế liệu	10		303
45	Gỗ cùi	42.220		39.241
46	Bùn thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	1.420.090	- Công Ty TNHH Dasaco Hậu Giang Địa chỉ: Khu Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ cao Hậu Giang, ấp 11, TT Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	1.543.710

Chất thải trong quá trình sản xuất được phân ra thành từng loại khác nhau tập kết tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường. Các bao bì hư trong quá trình đóng gói sản phẩm được công nhân thu gom định kỳ mỗi ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu;

+ Phế liệu: Thực hiện hợp đồng mua bán phế liệu với:

- Công ty TNHH TM –SX Ngọc Tân Kiên theo hợp đồng số 02/12/CT-HĐMB/23 ngày 22/12/2023.

- Cơ sở thu mua phế liệu và sơ chế nhựa Trần Bích Thủy theo hợp đồng số 01/12/CT-HĐMB/23 ngày 22/12/2023.

+ **Bùn thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại:** Được thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng số 0001/SCT-DSC0/24 ngày 29/12/2023.

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Bảng 3. Thống kê chất thải nguy hại năm 2024

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2024 (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức các nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)
Dầu nhớt thải	17 02 04	1.629,0	TC-TĐ	- Tên: Công ty TNHH TM –SX Ngọc Tân Kiên - Mã số QL CTNH: 1-2-3-4-5-6.029.VX	1.814,4
Mực in thải	08 02 01	5,4	TĐ		5,3
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3,1	HR		4,4
Hộp mực thải	08 02 04	87,2	TĐ		90,4
Pin - Bình ắc quy thải	16 01 12	137,3	PT-TC		145,5
Bao bì mềm thải	18 01 01	598,2	TĐ		671,0
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	498,5	TĐ		581,7
Linh điện điện tử	16 01 13	-	PT-TC		-
Chất thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi (cặn muôn than)	04 02 03	5,6	TĐ		6,8
Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	73,6	TC		114,7
Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	122,5	TC		95,2

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2024 (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức các nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)
Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	168,7	TC		231,8
Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	3,8	HR		4,0
Xi hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 02	4,0	HR		3,2
TỔNG CỘNG		3.336,9			3.768,4

Trừ trường hợp tái sử dụng trực tiếp, ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác: PH (Phá hủy)

Nhà máy đã đăng ký sở chủ nguồn chất thải nguy hại số 92.000012.T cấp 11/09/2014. CTNH phát sinh tại nhà máy năm 2024 khoảng 3.336,9 kg/năm được trữ tại kho rác thải nguy hại của Nhà máy và báo cho đơn vị có chức năng đến thu gom xử lý định kỳ 6 tháng/1 lần. Tất cả CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom, phân loại, chứa trong các thùng chuyên dụng, sau đó được lưu giữ tại kho chứa CTNH được bố trí riêng biệt tại nhà máy. Khu lưu giữ CTNH được xây dựng đáp ứng theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: kho chứa có mái che đảm bảo không bị ảnh hưởng bởi nước mưa. Bên ngoài khu lưu giữ chất thải được gắn các biển cảnh báo, có trang bị dụng cụ PCCC... Bên trong khu lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị thùng chứa chuyên dụng riêng biệt cho từng loại chất thải nguy hại (thùng kín, có nắp đậy, có dán nhãn, tên chất thải).

Nhà máy đã thực hiện hợp đồng thu gom và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Ngọc Tân Kiên, hợp đồng số 01/12/SCT-NTK/23 ngày 20/12/2023.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

- Xác định các nguyên nhân tiềm ẩn có thể dẫn đến sự cố môi trường

- Dựa trên điều kiện cụ thể của Công ty để xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường. Tổ chức tập huấn, phổ biến cho các cán bộ, công nhân trong nhà máy nắm rõ và thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

5.2. Báo cáo thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

- Có đầy đủ hồ sơ pháp lý về môi trường theo quy định;
- Đảm bảo có đủ nguồn nhân lực, trang thiết bị, phương tiện, cơ sở hạ tầng cần thiết cho việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, bổ sung và thay thế các thiết bị, phương tiện, cơ sở hạ tầng để đảm bảo khả năng sử dụng hiệu quả trong mọi tình huống;
- Hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn và diễn tập phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tới cán bộ, công nhân, người lao động trong công ty (diễn tập phòng cháy chữa cháy)
- Tiến hành kiểm tra thường xuyên các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố môi trường.
- Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại công ty: Trong năm 2024, công ty không xảy ra sự cố môi trường

6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

Không có

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Chi cục BVMT Cần Thơ;
- UBND quận Bình Thủy;
- Trung tâm Xây dựng Hạ tầng KCN;
- Lưu: VT

Cần Thơ, ngày 9 tháng 1 năm 2025

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Dương

PHỤ LỤC

- **Kết quả quan trắc môi trường 4 quý**
- **Quyết định phê duyệt ĐTM**
- **Hợp đồng đấu nối nước thải**
- **Hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt năm 2024**
- **Hợp đồng thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2024**
- **Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại năm 2024**
- **Liên chứng từ chất thải nguy hại năm 2024**





Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 244011

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải tại hố ga thoát nước (sau xử lý)
(Toạ độ X= 577168; Y= 1117296)
3. **Ngày lấy mẫu** : 27/03/2024
4. **Ngày trả kết quả** : 08/04/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,21	TCVN 6492:2011
2	Độ đục	NTU	11	TCVN 6184:1996
3	Mùi	-	Mùi hôi nhẹ	Cảm quan
4	TSS	mg/l	15	TCVN 6625:2000
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	12	SMEWW 5210B:2023
6	COD	mg/l	21	SMEWW 5220C: 2023
7	Tổng N	mg/l	5,40	TCVN 6638:2000
8	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
9	Tổng P	mg/l	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500.P.B&E:2023
10	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6625-2:2021
11	Độ màu	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2023
12	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	1,8 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2410960

- Địa điểm lấy mẫu** : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Phân loại mẫu** : Nước thải tại hố ga thoát nước (sau xử lý)
(Toạ độ X= 577168; Y= 1117296)
- Ngày lấy mẫu** : 21/06/2024
- Ngày trả kết quả** : 30/06/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,11	TCVN 6492:2011
2	Độ đục	NTU	14	TCVN 6184:1996
3	Mùi	-	Mùi hôi nhẹ	Cảm quan
4	TSS	mg/L	18	TCVN 6625:2000
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	15	SMEWW 5210B:2023
6	COD	mg/L	24	SMEWW 5220C: 2023
7	Tổng N	mg/L	5,90	TCVN 6638:2000
8	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
9	Tổng P	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500.P.B&E:2023
10	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6625-2:2021
11	Độ màu	Pt/Co	14	SMEWW 2120C:2023
12	Tổng Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	1,2 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2417672

- Địa điểm lấy mẫu** : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Phân loại mẫu** : Nước thải tại hồ ga thoát nước (sau xử lý)
(Toạ độ X= 577168; Y= 1117296)
- Ngày lấy mẫu** : 05/09/2024
- Ngày trả kết quả** : 18/09/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,04	TCVN 6492:2011
2	Độ đục	NTU	8	TCVN 6184:1996
3	Mùi	-	Mùi hôi nhẹ	Cảm quan
4	TSS	mg/L	12	TCVN 6625:2000
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	10	SMEWW 5210B:2023
6	COD	mg/L	16	SMEWW 5220C: 2023
7	Tổng N	mg/L	6,10	TCVN 6638:2000
8	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
9	Tổng P	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500.P.B&E:2023
10	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6625-2:2021
11	Độ màu	Pt/Co	12	SMEWW 2120C:2023
12	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	1,1 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc
CÔNG TY TNHH
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
GÒ VẤP - TP. HCM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2432376**

- Địa điểm lấy mẫu** : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Phân loại mẫu** : Nước thải tại hố ga thoát nước (sau xử lý)
(Toạ độ X= 577168; Y= 1117296)
- Ngày lấy mẫu** : 06/12/2024
- Ngày trả kết quả** : 20/12/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,15	TCVN 6492:2011
2	Độ đục	NTU	11	TCVN 6184:1996
3	Mùi	-	Mùi hôi nhẹ	Cảm quan
4	TSS	mg/L	15	TCVN 6625:2000
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	12	SMEWW 5210B:2023
6	COD	mg/L	21	SMEWW 5220C: 2023
7	Tổng N	mg/L	5,40	TCVN 6638:2000
8	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
9	Tổng P	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500.P.B&E:2023
10	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6625-2:2021
11	Độ màu	Pt/Co	12	SMEWW 2120C:2023
12	Tổng Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	6,8 x 10 ¹	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

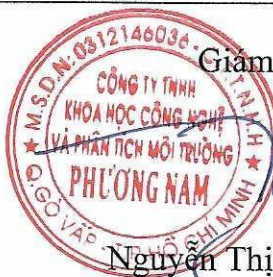
Mã số phiếu: 244006 – 244010

- Địa điểm lấy mẫu** : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 27/03/2024
- Ngày trả kết quả** : 08/04/2024

Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	O ₂ %	CO ₂ %
Nguồn thải						
E1: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 4 tấn/h, Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577129; Y=1117172)	39	191	284	25	11,40	8,52
E2: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577139; Y= 1117171)	45	215	99	126	10,90	9,70
E3: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577140; Y= 1117171)	42	340	271	12	6,10	14,80
E4: Bên trong ống khói máy phát Virtus (Toạ độ X= 577150; Y= 1117172)	41	19	136	171	19,10	0,80
E5: Bên trong ống khói máy phát FG Wilson (Toạ độ X= 577153; Y= 1117174)	42	0	0	577	18,90	1,50
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HD NB - 05				

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2410955 – 2410959

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
2. **Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
3. **Ngày lấy mẫu** : 21/06/2024
4. **Ngày trả kết quả** : 30/06/2024

Chỉ tiêu Nguồn thải	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	O ₂ %	CO ₂ %
E1: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 4 tấn/h, Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577129; Y=1117172)	2229	32	162	271	20	14,70	6,10
E2: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577139; Y= 1117171)	1675	42	202	105	110	12,80	7,90
E3: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577140; Y= 1117171)	1337	37	302	215	31	7,90	12,10
E4: Bên trong ống khói máy phát Virtus (Toạ độ X= 577150; Y= 1117172)	1435	35	35	110	140	18,20	2,55
E5: Bên trong ống khói máy phát FG Wilson (Toạ độ X= 577153; Y= 1117174)	1221	39	10	7	511	18,90	1,80
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	HD NB - 05				

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu
Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

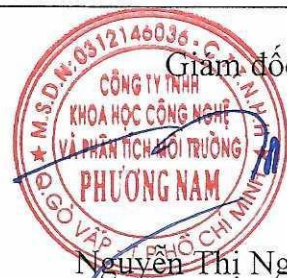
Mã số phiếu: 2417667 – 2417669

- Địa điểm lấy mẫu** : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 05/09/2024
- Ngày trả kết quả** : 18/09/2024

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	O ₂ %	CO ₂ %
Nguồn thải							
E1: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 4 tấn/h, Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577129; Y=1117172)	2410	36	191	241	25	15,10	4,92
E2: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577139; Y= 1117171)	1810	45	236	117	126	13,15	6,89
E3: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577140; Y= 1117171)	1420	40	311	174	51	9,10	10,98
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	HD NB - 05				

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2417670 – 2417671

1. Địa điểm lấy mẫu : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 05/09/2024
4. Ngày trả kết quả : 18/09/2024

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	O ₂ %	CO ₂ %
Nguồn thải							
E4: Bên trong ống khói máy phát Virtus (Toạ độ X= 577150; Y= 1117172)	1180	32	24	126	137	17,12	2,90
E5: Bên trong ống khói máy phát FG Wilson (Toạ độ X= 577153; Y= 1117174)	1310	35	12	10	492	18,10	2,15
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	HD NB - 05				

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2432371 – 2432372

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
2. **Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
3. **Ngày lấy mẫu** : 06/12/2024
4. **Ngày trả kết quả** : 20/12/2024

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	O ₂ %	CO ₂ %
Nguồn thải							
E1: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 4 tấn/h, Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577129; Y=1117172)	2370	36	177	289	25	15,10	5,40
E2: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577139; Y= 1117171)	1710	34	194	116	122	14,90	6,10
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	HD NB - 05				

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2432373 – 2432375

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CN CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ
Đ/c : KCN Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
2. **Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
3. **Ngày lấy mẫu** : 06/12/2024
4. **Ngày trả kết quả** : 20/12/2024

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	O ₂ %	CO ₂ %
Nguồn thải							
E3: Bên trong ống khói lò hơi, công suất 2 tấn/h Nhiên liệu: dầu FO (Toạ độ X= 577140; Y= 1117171)	1470	31	287	194	28	8,10	12,40
E4: Bên trong ống khói máy phát Virtus (Toạ độ X= 577150; Y= 1117172)	1390	32	39	102	115	17,90	2,80
E5: Bên trong ống khói máy phát FG Wilson (Toạ độ X= 577153; Y= 1117174)	1310	35	15	11	491	18,40	2,30
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	HD NB - 05				

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.